

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 28-02-2023

*V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Ông Dương Hải Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS, ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng T

Nơi cư trú: Hẻm S đường AB, Phường E, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh U

Nơi cư trú: A đường PV, Phường I, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn H

Địa chỉ: số B đường ĐP, Phường W, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Hẻm S đường AB, Phường E, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng T trình bày:

Ngày 04/12/2019, bà Nguyễn Thị Thanh U có vay của ông số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng) và hẹn ông đến 30/3/2020 sẽ trả lại cho ông, hai bên có lập Giấy nhận tiền (mượn tiền) ký ngày 04/12/2019.

Ông Nguyễn Hồng T đòi nhiều lần số tiền 2.500.000.000đ nhưng bà U vẫn chưa trả tiền. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh U phải trả nợ cho ông số tiền cho ông số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng), ông không yêu cầu trả lại tiền lãi.

Tại Giấy mượn tiền có nội dung viết bằng tay: “*Ghi chú: Tổng cộng số tiền H bảo lãnh là: 3.500.000.000đ (ba tỷ rưỡi). 4/12/2019 mượn của C trả 1.000.000.000. 2.500.000.000 đồng. Giấy bảo lãnh của H kể từ ngày 4/12/2019 không còn liên quan đến vợ chồng T nữa. Usẽ chịu trách nhiệm với vc T khoản nợ trên.*” là do trước đây bà U vay tiền của ông số tiền 3.500.000.000đ, có anh Nguyễn Văn H là người nhận bảo lãnh cho bà U. Đến ngày 04/12/2019, bà U vay của ông C số tiền 1.000.000.000đ để trả cho ông, còn nợ lại là 2.500.000.000đ nên hai bên đã lập Giấy nhận tiền (mượn tiền) ngày 04/12/2019, thời hạn trả nợ là ngày 30/3/2020. Đối với số tiền 2.500.000.000đ này thì bà U tự chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông, ông Nguyễn Văn H không còn phải bảo lãnh cho bà U số tiền này nữa. Toàn bộ đều là chữ viết, chữ ký của bà U.

Giấy bảo lãnh của ông H bảo lãnh cho bà U đối với số tiền vay 3.500.000.000đ hiện các bên đã không còn giữ lại nên ông không thể cung cấp cho Tòa án.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh U được niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Người làm chứng ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông là người bảo lãnh việc giữa ông T và bà U, số tiền là 3.500.000.000đ. Sau thời gian khoảng 3 năm thì ông đã bàn giao để hai người tự thỏa thuận và không còn trách nhiệm với vụ việc này nữa. Nay ông làm chứng xác nhận bà U vẫn còn nợ số tiền trên của anh Tuấn.

** Người làm chứng Nguyễn Thị N trình bày:*

Ngày 04/12/2019 bà Nguyễn Thị Thanh U có mượn ông T số tiền 2.500.000.000đ để làm ăn và có viết giấy nhận tiền. Giấy mượn tiền là do bà U viết, bà chỉ ký ở dưới là người làm chứng. Số tiền 2.500.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng bà, tuy nhiên bà không có ý kiến gì về số tiền trên, đề nghị bà U hoàn trả số tiền 2.500.000.000đ cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách nguyên đơn, bị đơn, thời hạn giải quyết và thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh U phải thanh toán số tiền 2.500.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quy định tại theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thanh U được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: tại Giấy nhận tiền (mượn tiền) ngày 04/12/2019, giữa người giao tiền ông Nguyễn Hồng T và người nhận tiền bà Nguyễn Thị Thanh U thể hiện bà U có nhận của ông T số tiền 2.500.000.000đ, thời hạn trả nợ là ngày 30/3/2020. Tuy nhiên, bà U không trả tiền cho ông T nên ông T khởi kiện yêu cầu bà U trả cho ông số tiền 2.500.000.000đ, không yêu cầu bà U trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh U được niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định chữ ký Nguyễn Thị Thanh U tại Giấy nhận tiền (mượn tiền) ngày 4/12/2019 với chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh U tại các tài liệu là mẫu so sánh. Tại Kết luận giám định số 913/KL-KTHS, ngày 23/9/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: chữ ký trên Giấy nhận tiền (mượn tiền) ngày 4/12/2019 và chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, ngày 04/12/2019 bà Nguyễn Thị Thanh U có vay của ông Nguyễn Hồng T số tiền 2.500.000.000đ nhưng chưa trả nên yêu cầu khởi kiện của ông T có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí giám định: chi phí giám định tư pháp là 4.680.000đ, ông T đã quyết toán xong. Do kết luận giám định chứng minh yêu cầu của ông T là có căn cứ nên căn cứ Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông T không phải chịu chi phí giám định, bà U phải chịu chi phí giám định, Hội đồng xét xử buộc bà U phải trả lại cho ông T chi phí giám định là 4.680.000đ.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 161; 162; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng T. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh U phải cho ông Nguyễn Hồng T số tiền là 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Về chi phí giám định tư pháp: buộc bà Nguyễn Thị Thanh U phải trả cho ông Nguyễn Hồng T chi phí giám định tư pháp số tiền là 4.680.000đ (bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Thanh U phải nộp số tiền 82.000.000đ (tám mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hồng T số tiền 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001460 ngày 17/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị đơn

vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Lý